

Bản án số: 507/2022/HS-PT

Ngày: 19/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lê;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Cường;

- Bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu Hà - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 225/2022/TLPT-HS ngày 02 tháng 3 năm 2022, đối với các bị cáo Vũ Văn G, Nguyễn Hải L, Nguyễn Đức N, Vũ Văn T, Nguyễn Thị H phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”. Do có kháng cáo của các bị cáo và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2021/HS-ST ngày 10-11-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

*** Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:**

1. Họ tên Vũ Văn G, (Tên gọi khác: Vũ Trường G), sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn C, xã X, H1, B; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 20/7/2020; con ông: Vũ Văn H2, sinh năm 1935 (đã chết) và bà: Đầu Thị S, sinh năm 1934 (đã chết); có vợ: Vũ Thị G1, sinh năm: 1961 và 04 con (con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1995); gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là thứ nhất; tiền án, tiền sự: Chưa; hiện tại ngoại; có mặt.

2. Họ tên Nguyễn Hải L, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện H1, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên, đã

bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 20/7/2020; con ông: Nguyễn Trọng L1, sinh năm 1939 (đã chết) và bà: Đào Thị A, sinh năm: 1940 (đã chết); có vợ: Phạm Thị D, sinh năm: 1968 và 02 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1990; gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là thứ tư; tiền án, tiền sự: Chưa; hiện tại ngoại; có mặt.

3. Họ tên Nguyễn Đức N, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện H1, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ thôn C, xã X, huyện H1, tỉnh B; là đại biểu Hội đồng nhân dân xã X khóa XIX (nhiệm kỳ 2016-2021), đã tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của đại biểu HĐND xã theo Quyết định số 05/QĐ-TT.HĐND, ngày 20/12/2020 của HĐND xã X, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông: Nguyễn Trọng L1, sinh năm 1939 (đã chết) và bà: Đào Thị A, sinh năm: 1940 (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1966 và 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991; gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là thứ ba; tiền án, tiền sự: Chưa; hiện tại ngoại; có mặt.

4. Họ và tên Vũ Văn T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện H1, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên ĐCS Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ thôn C, xã X, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông: Phạm Văn N1, sinh năm 1957 và bà: Vũ Thị O, sinh năm 1957; có vợ: Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1988 và 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2009; có 01 anh trai cùng mẹ khác cha. Tiền án, tiền sự: Chưa; hiện tại ngoại; có mặt.

5. Họ và tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện H1, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Đảng viên ĐCS Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ thôn C, xã X; là đại biểu Hội đồng nhân dân xã X khóa XIX (nhiệm kỳ 2016-2021), đã tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của đại biểu HĐND xã theo Quyết định số 06/QĐ-TT.HĐND, ngày 20/12/2020 của HĐND xã X, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông: Nguyễn Văn H3 và bà: Nguyễn Thị M (đều đã chết); có chồng: Nguyễn Xuân T2, sinh năm: 1957 và 02 con, lớn sinh năm 1978, nhỏ sinh năm 1986; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ ba. Tiền án, tiền sự: Chưa; hiện tại ngoại; có mặt.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Văn G*: Ông Nguyễn Trung K, bà Phạm Thị H4 - Công ty Luật TNHH P - Đoàn luật sư thành phố H5, có mặt.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hải L*: Bà Ngô Thị T3 - Văn phòng luật sư V - Đoàn luật sư tỉnh B, có mặt.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức N*: Ông Lê Văn T4 - Văn phòng luật sư B1 - Đoàn luật sư tỉnh B, có mặt.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T:* Bà Ong Thị T5 - Văn phòng luật sư V1 - Đoàn luật sư tỉnh B, có mặt.

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H:* Bà Nguyễn Thị L3 - Văn phòng luật sư K1 - Đoàn luật sư tỉnh B, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, kháng nghị, nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, Ban quản lý (BQL) thôn C, xã X, huyện H1, tỉnh B do Vũ Văn G (Vũ Trường G) làm Trưởng thôn đã đăng ký và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã X đồng ý thực hiện việc dồn điền đổi thửa. Sau khi thôn thực hiện xong, ngày 26/01/2015 UBND xã X có Quyết định số 04/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả thực hiện dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp thôn C; tổng kinh phí thực hiện là 1.735.575.000 đồng (kinh phí đào đắp là 1.115.575.000 đồng; kinh phí xây cầu, đổ cống là 620.000.000 đồng). Ngày 14/7/2015, UBND huyện H1 đã lập biên bản nghiệm thu; ngày 11/9/2015, UBND huyện H1 có Quyết định số 5192/QĐ-UBND về việc chi hỗ trợ kinh phí dồn điền đổi thửa, trong đó thôn C, xã X được hỗ trợ 975.270.000 đồng (hỗ trợ đợt 1 là 208.000.000 đồng, hỗ trợ bổ sung là 767.270.000 đồng).

Do quá trình thực hiện dồn điền đổi thửa, thôn C chưa có tiền thanh toán cho nhà thầu thi công, nên Vũ Văn G khi tái cử Trưởng thôn C nhiệm kỳ 2015-2017 và là Phó Bí thư Chi bộ đã đưa ra ý kiến về việc tổ chức đấu thầu đất canh tác sử dụng lâu dài để lấy tiền trả nợ; Nguyễn Hải L là Bí thư chủ trì các cuộc họp Chi bộ bàn và ra nghị quyết nhất trí giao cho Vũ Văn G tổ chức họp dân xin ý kiến thực hiện. Giúp việc cho BQL thôn còn có Nguyễn Thị H là Chi ủy viên, Phó Trưởng thôn; Vũ Văn T là Phó Trưởng thôn; bà Ngô Thị Y là kế toán và bà Ngô Thị T6 là thủ quỹ.

Từ tháng 4/2015 đến tháng 9/2015, Chi bộ thôn C đã họp 15 buổi; chính quyền thôn tổ chức họp hội nghị dân chính 14 buổi và 03 buổi họp hội nghị nhân dân để lấy ý kiến nhân dân về đấu thầu đất khu vực đồng M1. Tại các cuộc họp đi đến thống nhất cho đấu thầu giao đất với thời hạn lâu dài (thực chất là bán đất ở) khu đồng M1 với giá khởi điểm là 50.000.000 đồng/sào, tiền ký cược 10.000.000 đồng/lô. Khu đất đồng M1 được chia làm 02 khu vực gồm đồng M1 Trên và đồng M1 Dưới (hay còn gọi là Đ1).

Nguyễn Đức N là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy; Phó Chủ tịch UBND xã X phụ trách công tác Kinh tế - Nông nghiệp (trong đó có lĩnh vực địa chính) đã tham gia 08 cuộc họp Chi bộ và 02 cuộc họp hội nghị nhân dân bàn bạc về chủ

trương tổ chức đấu thầu đất khu vực Đồng M1 để lấy tiền đối ứng các công trình trên địa bàn thôn C và xã X. Tại các cuộc họp này, mặc dù Nguyễn Đức N có đưa ra ý kiến “*Phải làm đúng luật*”, nhưng đều đồng T8 với chủ trương của Chi bộ và BQL thôn C đưa ra.

Để thực hiện việc đấu thầu giao đất đồng M1 lâu dài, BQL thôn thông qua các cuộc họp dân chính đã cử ra tổ giúp việc gồm Vũ Văn G - Trưởng thôn chỉ đạo chung; là người chuẩn bị nội dung và trực tiếp thông báo rộng rãi trên hệ thống loa truyền thanh của thôn cho nhân dân biết tham gia đăng ký dự đấu thầu mua đất tại đình làng và nộp tiền đặt cọc; Vũ Văn T - Phó Trưởng thôn tham gia đoàn khảo sát đất đồng M1, đo đạc, phân lô, tham gia giao đất cho các hộ trúng thầu tại thực địa; Nguyễn Thị H - Chi ủy viên - Phó Trưởng thôn tham gia buổi khảo sát tại thực địa. Tại các buổi bốc thăm đấu thầu đất Vũ Văn G, Nguyễn Hải L, Vũ Văn T và Nguyễn Thị H đều có mặt và tham gia ký các Hợp đồng đấu thầu đất giữa BQL thôn C với những hộ dân đã trúng thầu. Cùng tham gia với Ban Chi ủy và BQL thôn C còn có các Trưởng xóm, các đoàn thể trong thôn C tham gia thực hiện đo đạc đợt 1 đối với diện tích đất khu vực đồng M1 Trên, phân thành 20 lô (đấu thầu vào ngày 18/6/2015) và đợt 2 đối với diện tích đất khu vực đồng M1 Dưới (Đ1), phân thành 11 lô (đấu thầu đất vào ngày 15/9/2015).

Cả hai đợt bốc thăm phân lô đều được thực hiện tại Đình làng thôn C, xã X; tiến hành giao đất tại thực địa khu vực đồng M1 Trên và Đồng M1 dưới; có lập biên bản giao đất cho các hộ, có hợp đồng về việc đấu thầu đất canh tác, các hộ trúng thầu mua đất đồng M1 Trên được sử dụng đất từ ngày 01/01/2017 và các hộ trúng thầu mua đất đồng M1 Dưới được sử dụng đất từ ngày 01/01/2018, không ghi thời hạn sử dụng. Hợp đồng lập thành 02 bản, BQL thôn giữ 01 bản và hộ gia đình mua đất giữ 01 bản. Các hộ trúng thầu nộp tiền cho Vũ Văn G, bà Ngô Thị Y và Ngô Thị T6; việc nộp tiền được lập phiếu thu, có chữ ký xác nhận của Vũ Văn G, bà Ngô Thị Y và bà Ngô Thị T6. Toàn bộ số tiền đã thu được nhập vào quỹ tiền mặt của thôn để chi tiêu vào các hoạt động chung của thôn C.

Tổng số trúng thầu đất là 14 cá nhân, hộ gia đình, với tổng số tiền thu được từ việc đấu thầu đất đồng M1 là 5.030.403.000 đồng; trong đó: 06 cá nhân, hộ gia đình trúng thầu đất khu đồng M1 Trên với diện tích 14.480m², số tiền thu được là 2.387.126.000 đồng; 08 cá nhân, hộ gia đình trúng thầu đất khu đồng M1 Dưới (Đ1) với diện tích 11.943m², số tiền thu được là 2.643.277.000 đồng; cụ thể:

*** Khu vực Đồng M1 trên**, tổ chức đấu thầu và giao đất ngày 18/6/2015:

- Bà Vũ Thị H6 - sinh năm 1964, trú tại: Số nhà 06, đường Đ, tổ 35, phường C1, thành phố L4, tỉnh L4 (nguyên là người dân xóm 2 thôn C) trúng thầu 13 lô với tổng diện tích 8.914m², đã nộp cho BQL thôn tổng số tiền là 1.493.972.000 đồng gồm: Lô đất số 01, diện tích 378 m², số tiền 63.126.000 đồng; Lô đất số 02,

diện tích 594 m², số tiền 99.001.000 đồng; Lô đất số 03, diện tích 594 m², số tiền 99.002.000 đồng; Lô đất số 04, diện tích 594 m², số tiền 99.008.000 đồng; Lô đất số 05, diện tích 594 m², số tiền 99.008.000 đồng; Lô đất số 06, diện tích 594 m², số tiền 99.009.000 đồng; Lô đất số 07, diện tích 620 m², số tiền 103.345.000 đồng; Lô đất số 08, diện tích 660 m², số tiền 110.014.000 đồng; Lô đất số 09, diện tích 730m², số tiền 121.940.000 đồng; Lô đất số 10, diện tích 760 m², số tiền 127.722.000 đồng; Lô đất số 11, diện tích 900 m², số tiền 153.390.000 đồng; Lô đất số 12, diện tích 924 m², số tiền 157.383.000 đồng; Lô đất số 13, diện tích 972 m², số tiền 162.024.000 đồng.

- Ông Vũ Văn S - sinh năm 1959, trú tại xóm 2, thôn C, xã X, huyện H1 trúng thầu lô đất số 14, diện tích 972m², với số tiền là 162.810.000 đồng.

- Bà Vũ Thị T7 - sinh năm 1957, trú tại xóm 2, thôn C, xã X, huyện H1 đã trúng thầu 03 lô, tổng diện tích 2.724m², với tổng số tiền là 450.008.000 đồng gồm: Lô đất số 15 diện tích 948m², với số tiền là 159.843.000 đồng; Lô đất số 16, diện tích 912m², số tiền 151.455.000 đồng; Lô đất số 17, diện tích 864m², số tiền 138.710.000 đồng.

- Ông Phạm Văn K2 - sinh năm 1965, trú tại số nhà 31, phố M2, phường S1, thành phố B2, tỉnh B2 (nguyên là người dân thôn C) trúng thầu lô đất số 18, diện tích 685m², với số tiền 110.163.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn H7 - sinh năm 1973, trú tại xóm 6, thôn C, xã X, huyện H1 trúng thầu lô đất số 19, diện tích 660m², với số tiền là 96.090.000 đồng.

- Ông Vũ Thành L5 - sinh năm 1987, trú tại xóm 4, thôn C, xã X, huyện H1 trúng thầu lô đất số 20, diện tích 525m², với số tiền là 74.083.000 đồng.

*** Khu vực đồng M1 Dưới (Đồng Dĩ)** tổ chức đấu thầu và giao đất ngày 15/9/2015:

- Ông Ngô Văn T9- sinh năm 1954, trú tại thôn L6, xã V2, huyện S1, H1 trúng thầu 05 lô đất (lô số 01, 02, 03, 04, 05). Sau khi trúng thầu, ông T9 đã để lại cho 02 người khác lô đất số 04 và 05. Ông T9 chỉ thanh toán cho thôn 03 lô đất số 01, 02, 03 với tổng diện tích 3974m², với tổng số tiền là 942.419.000 đồng, trong đó: Lô đất số 01, diện tích 1500 m², số tiền 358.333.000 đồng; Lô đất số 02, diện tích 1.181 m², số tiền 278.847.000 đồng; Lô đất số 03, diện tích 1.316 m², số tiền 305.239.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn T10- sinh năm 1962, trú tại T11, xã M3, huyện S1, H1 mua lại suất trúng thầu lô đất số 04 của ông Ngô Văn T9, diện tích 1.240 m², số tiền 282.444.000 đồng.

- Ông Nguyễn Quý Phương- sinh năm 1981, trú tại T11, xã M3, huyện S1, H1 mua lại suất trúng thầu lô đất số 05 của ông Ngô Văn T9, diện tích 1.240 m², với số tiền là 279.000.000 đồng.

- Ông Đào Trường S- sinh năm 1989, trú tại xóm 2, thôn C, xã X, huyện H1 trúng thầu 02 lô, tổng diện tích 2.170m², với tổng số tiền là 402.139.000 đồng, cụ thể: Lô đất số 06 diện tích 1.240 m², số tiền 234.222.000 đồng; Lô đất số 07 diện tích 930 m², số tiền 167.917.000 đồng.

- Ông Vũ Đức C2- sinh năm 1981, trú tại xóm 3, thôn C, xã X, huyện H1 trúng thầu lô đất số 08, diện tích 1.050 m², số tiền 210.000.000 đồng.

- Ông Ngô Văn N2- sinh năm 1989, trú tại xóm 3, thôn C, xã X, huyện H1 trúng thầu lô đất số 09, diện tích 950 m², số tiền 219.847.000 đồng.

- Ông Đào Văn L7- sinh năm 1961, trú tại xóm 4, thôn C, xã X, huyện H1 trúng thầu lô đất số 10, diện tích: 1.146 m², số tiền 286.595.000 đồng.

- Ông Phạm Xuân B3- sinh năm 1985, trú tại xóm 3, thôn C, xã X, huyện H1 trúng thầu lô đất số 11, diện tích: 150 m², số tiền 20.833.000 đồng.

Sau khi phát hiện ra việc BQL thôn C bán đất trái thẩm quyền, ngày 10/7/2015 và ngày 13/11/2015, UBND xã X đã có văn bản số 26 và số 32/UBND-ĐCXD, gửi Cấp ủy, Ban lãnh đạo thôn C yêu cầu dừng việc đấu thầu đất, hủy Hợp đồng đấu thầu đất khu đồng M1 và nộp tiền vào Ngân sách nhà nước chờ xin chủ trương của cấp trên; đồng thời có văn bản số 23/BC-UBND, ngày 12/7/2015; số 39/BC-UBND, ngày 27/11/2015 báo cáo UBND huyện H1 xin ý kiến xử lý việc thôn C đấu thầu đất khu đồng M1. Ngày 22/9/2017, Chủ tịch UBND xã X đã ra Quyết định số 65/QĐ-UBND về việc hủy hợp đồng đấu thầu đất công ích trái phép ở thôn C (trong đó có nội dung hủy toàn bộ hợp đồng đấu thầu thôn đã ký với đại diện 14 hộ dân trúng thầu đất tại khu Đồng M1 và khu Đ1).

Về số tiền 5.030.403.000 đồng BQL thôn C đã thu của 14 hộ dân trúng thầu đất khu vực Đồng M1 Trên và Đồng M1 Dưới (Đ1), Ban quản lý thôn đã sử dụng để chi các khoản sau: Nộp về ngân sách xã X 2.800.000.000 đồng; trả nợ việc dồn điền, đổi thửa 1.328.760.200 đồng (tổng số tiền đã thanh toán cho công trình dồn điền đổi thửa là 2.358.030.200 đồng, trong đó nhà nước hỗ trợ số tiền 975.270.000 đồng); số tiền còn lại 901.642.800 đồng thôn đã sử dụng chi trả cho các hoạt động phúc lợi của thôn hết.

Ngoài việc nộp số tiền 2.800.000.000 đồng nêu trên, năm 2017 BQL thôn C còn nộp cho UBND xã tiền đối ứng một số công trình trên địa bàn thôn là 66.220.000 đồng, tổng số tiền thôn C đã nộp cho UBND xã X là 2.866.220.000 đồng. Do thiếu kinh phí để thanh toán tiền đối ứng cho một số công trình trên địa bàn thôn C và của xã, UBND xã X đã sử dụng hết số tiền 2.849.416.000 đồng, còn tồn 16.804.000 đồng.

Ngày 07/7/2020, UBND xã X đã nộp lại số tiền 16.804.000 đồng; và ngày 18/12/2020, ông Ngô Khắc T8 - Nguyên Chủ tịch UBND xã X đã nộp số tiền 300.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can Vũ Văn G, Nguyễn Hải L, Nguyễn Đức N, Nguyễn Thị H, Vũ Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra.

Ngày 31/10/2017, Nguyễn Hải L, Vũ Trường G đã bị Đảng ủy xã X ra Quyết định số 49 và số 50-QĐ/ĐU thi hành kỷ luật bằng hình thức “Cảnh cáo”.

Ngày 20/7/2020, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy H1 có Quyết định số 182-QĐ/UBKTHU, số 183-QĐ/UBKTHU đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Nguyễn Hải L, Vũ Trường G.

Ngày 06/01/2021, Nguyễn Đức N đã tự nguyện nộp 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Vũ Văn G, Nguyễn Hải L, Nguyễn Thị H và Vũ Văn T chưa nộp khoản tiền nào để khắc phục hậu quả.

Về kết quả giám định:

Ngày 20/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B có Quyết định trưng cầu giám định số 244; ngày 05/12/2019 có Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 47/CQCSDT-VPCQCSDT, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B giám định chữ ký của Vũ Văn G (Vũ Trường G), Nguyễn Hải L, Vũ Văn T, Nguyễn Thị H, Ngô Thị Y, Ngô Thị T6, Vũ Văn Q và Nguyễn Đức N trên các Hợp đồng về việc thuê đất canh tác, Hợp đồng đầu thầu quyền sử dụng đất canh tác và trên các Phiếu thu.

Phòng Kỹ thuật hình sự có kết luận giám định số 1516/KL-KTHS, ngày 26/9/2019; số 1966/KL-KTHS, ngày 11/12/2019 kết luận các chữ ký trên các tài liệu thu thập được với các mẫu chữ ký trên các tài liệu so sánh là chữ ký của Vũ Văn G, Nguyễn Hải L, Vũ Văn T, Nguyễn Thị H, Ngô Thị Y, Ngô Thị T6, Vũ Văn Q và Nguyễn Đức N.

Về kết quả định giá tài sản:

Ngày 16/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H1 đã có yêu cầu về việc định giá tài sản đối với số diện tích đất thôn C đã tổ chức đấu thầu. Ngày 23/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H1 đã định giá: Tổng giá trị đất nông nghiệp của 31 lô đất là 2.853.684.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2021/HS-ST ngày 10-11-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

+ Đối với bị cáo **Vũ Văn G** (Vũ Trường G): Áp dụng khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt: Vũ Văn G (Vũ Trường G) **12 năm tù** về tội "*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*"; thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

+ Đối với bị cáo **Nguyễn Hải L**: Áp dụng khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: Nguyễn Hải L **12 năm tù** về tội "*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*"; thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

+ Đối với bị cáo **Nguyễn Thị H**: Áp dụng khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Thị H từ **11 năm tù** về tội "*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*"; thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

+ Đối với bị cáo **Vũ Văn T**: Áp dụng khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: Vũ Văn T **10 năm tù** về tội "*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*"; thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

+ Đối với bị cáo **Nguyễn Đức N**: Áp dụng khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Đức N **10 năm tù** về tội "*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*"; thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 18/11/2021, bị cáo Vũ Văn G kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 19/11/2021, bị cáo Nguyễn Hải L kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 19/11/2021, bị cáo Nguyễn Đức N kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 22/11/2021, bị cáo Vũ Văn T kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 18/11/2021, bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VC1-HS ngày 08/12/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đề nghị hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2021/HS-ST ngày 10-11-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo bổ sung nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; các bị cáo đều khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung Bản án sơ thẩm, việc Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” như đã tuyên là có căn cứ. Các bị cáo rất ân hận về việc làm của mình; các bị cáo cho rằng hành vi phạm tội của các bị cáo không nhằm mục đích tư lợi, phục vụ nhân dân và cho rằng mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là quá nặng; trước khi xét xử phúc thẩm, đại biểu quốc hội tỉnh B, nhân dân thôn C và UBND xã X, huyện H1, tỉnh B đều có đơn đề nghị xin

giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn luật định, đủ điều kiện xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa phúc thẩm, đủ cơ sở xác định Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét kháng nghị, bỏ lọt đối tượng Ngô Khắc T8 và chưa làm rõ được số tiền 2.866.220.000 đồng do thôn C nộp về xã X, bị cáo Ngô Khắc T8 đã chỉ đạo bà Ngô Thị Ngọc L8 sử dụng trái thẩm quyền. Ông Ngô Khắc T8 là Chủ tịch UBND xã X đã ký 02 văn bản tạm dừng việc đấu thầu tại thôn C. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai nhận không biết, không nhận được các Quyết định này. Việc này không được hồ sơ vụ án thể hiện rõ. Các bị cáo cho rằng ông Ngô Khắc T8 có liên quan và là chủ mưu đối với hành vi “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” nhưng các bị cáo không đưa ra được căn cứ chứng minh việc chỉ đạo trực tiếp của ông Ngô Khắc T8 đối với các bị cáo về việc đấu thầu đất. Hành vi này của ông Ngô Khắc T8 được xem xét trong vụ án đã được khởi tố. Đối tượng Ngô Thị Ngọc L8 chưa bị xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm về phần tách hành vi của ông Ngô Khắc T8 ra để điều tra bằng vụ án khác để điều tra lại.

Theo Điều 59 Luật Đất đai quy định thẩm quyền giao đất thuộc về UBND cấp huyện. Tại phiên tòa, các bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Hải L đã nộp 100.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Đức N đã khắc phục hết phần hậu quả của vụ án đối với bị cáo, mẹ bị cáo có Huân chương kháng chiến hạng nhì; các bị cáo đều có Công văn xin giảm nhẹ hình phạt của UBND xã X, huyện H1, tỉnh B. Các bị cáo lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hình phạt 10-12 năm tù đối với các bị cáo là quá nặng, chưa có sự phân hóa trách nhiệm đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, ghi nhận các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về phần bỏ lọt tội phạm.

Luật sư Phạm Thị Huyền trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Vũ Văn G: Có sự chỉ đạo của ông Ngô Khắc T8 trong việc chia lô và đấu thầu. Việc chia lô, đấu thầu đều có sự đồng ý của ông Ngô Khắc T8. Thôn C đã được sự chỉ đạo

của lãnh đạo UBND xã X. Các bị cáo cho rằng đất Đồng M1 thuộc địa phận hành chính của thôn C, thực chất lại thuộc địa phận của huyện S1. Do cơ sở vật chất của thôn C cực kỳ khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bản thân bị cáo không vì mục đích vụ lợi, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo được đại biểu quốc hội tỉnh B, Ủy ban nhân dân xã X và nhân dân thôn C xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá trình công tác, bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, v, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, miễn hình phạt cho bị cáo Vũ Văn G. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo không vì vụ lợi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không buộc các bị cáo phải nộp tiền mà người dân thôn C phải chịu trách nhiệm dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại vì án sơ thẩm tuyên chưa khách quan, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm là ông Ngô Khắc T8 và chưa làm rõ được động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo Vũ Văn G. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Vũ Văn G, buộc 173 hộ dân thôn C và UBND xã X bồi thường cho những người bị hại.

Luật sư Ngô Thị T6 trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hải L: Tôi đồng T8 với luật sư Phạm Thị Huyền về việc bỏ lọt tội phạm là ông Ngô Khắc T8. Về tội danh và điều luật áp dụng thì tôi không có ý kiến gì. Về nguyên nhân thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, các bị cáo không vì vụ lợi cá nhân mà vì nhu cầu của toàn thể nhân dân C. Việc các bị cáo thực hiện dựa trên sự đồng ý của nhân dân thôn C, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mẹ bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nhân dân thôn, UBND xã và đại biểu quốc hội cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo đã nộp 100.000.000 đồng khắc phục hậu quả. Sau khi thu được tiền, các bị cáo đã xây dựng các công trình xây dựng của thôn, xã, hậu quả của vụ án là rất ít. Bị cáo được hưởng T8 tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự thuộc về nhân dân thôn C và UBND xã X.

Luật sư Lê Văn Tiến trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức N: Nguyên tắc tổ chức nhà nước là nguyên tắc tập trung dân chủ. Theo tôi, đối với ông Ngô Khắc T8, ngoài việc bị xét xử về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” còn phải bị xem xét về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Cần hủy bản án sơ thẩm để xem xét trách nhiệm của ông Ngô Khắc T8. Nếu đề nghị này không được chấp nhận thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Đức N.

Bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả của vụ án, đây là 1 tình tiết giảm nhẹ mới. Đoàn đại biểu quốc hội và UBND xã có công văn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tòa sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo: bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo là người phạm tội lần đầu, bị cáo có các dấu hiệu được quy định trong Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng T8 tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, g khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Luật sư Ong Thị T4 trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T: Tôi đồng T8 với kháng nghị của Viện kiểm sát. Vụ án này có việc bỏ lọt tội phạm. Suốt quá trình các bị cáo thực hiện hành vi bị đưa ra xét xử trong vụ án này đều có sự chỉ đạo của ông Ngô Khắc T8. Cần thiết phải xử lý ông Ngô Khắc T8 để giải quyết triệt để vụ án. Tòa sơ thẩm không có sự phân định vị trí, vai trò của các bị cáo nên mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo quá nghiêm khắc. Viện kiểm sát tỉnh B đề xuất mức án 05-08 năm tù; mức án do Tòa sơ thẩm quyết định là quá nghiêm khắc. Tôi đồng nhất với các ý kiến của các luật sư đã trình bày, cần thiết phải hủy án để điều tra lại. Trường hợp không hủy án thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đề nghị của đại biểu quốc hội, UBND xã và người dân thôn C, chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, số tiền người bị hại đã nộp, đã làm rõ được dòng tiền đã được sử dụng như thế nào. Trách nhiệm dân sự thuộc về nhân dân thôn C và UBND xã X.

Luật sư Nguyễn Thị L3 trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H: Tôi nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo Nguyễn Thị H có vai trò thứ yếu, không đáng kể. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H. Bị cáo chỉ tham gia 1 buổi khảo sát ban đầu ngoài thực địa, bị cáo không phải là người phân lô, bị cáo không phải là người thu tiền, bị cáo không có ý kiến trong các cuộc họp. Bị cáo chỉ thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của Trưởng thôn. Khi có sự đồng thuận của nhân dân thôn C, các bị cáo đã tổ chức đầu thầu đất. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo được tặng thưởng nhiều Kỷ niệm chương, Giấy khen... Bố đẻ và mẹ đẻ của bị cáo đều tham gia dân công hỏa tuyến, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, anh trai bị cáo là liệt sĩ. Bị cáo không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo không vì mục đích tư lợi. Đại biểu quốc hội tỉnh B, UBND xã và nhân dân trong thôn có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo “tù 11 năm tù” là không

đúng quy định của pháp luật, gây khó khăn cho quá trình thi hành án. Về trách nhiệm dân sự thì người dân có trách nhiệm đóng góp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

[1] Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Trên cơ sở lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để xác định:

Vũ Văn G (tên gọi khác là Vũ Trường G) - Trưởng thôn - Phó Bí thư Chi bộ; Nguyễn Hải L - Bí thư Chi bộ thôn C, xã X; Nguyễn Đức N - Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy - Phó Chủ tịch UBND xã X, Vũ Văn T - Phó Trưởng thôn và Nguyễn Thị H - Chi ủy viên - Phó Trưởng thôn C, xã X, huyện H1, tỉnh B nhiệm kỳ 2015 - 2017, đã lạm dụng chức vụ, vượt quá thẩm quyền được giao chỉ đạo tổ chức đấu thầu 31 lô đất lâu dài (thực chất là bán đất ở) với tổng diện tích 26.423m² đất nông nghiệp khu vực đồng M1 (đồng M1 Trên là 20 lô với tổng diện tích 14.480m², đồng M1 Dưới là 11 lô với tổng diện tích 11.943m²) thuộc địa giới quản lý hành chính của xã Bắc Phú, huyện S1, H1 thu số tiền 5.030.403.000 đồng (Năm tỷ, không trăm ba mươi triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn đồng) của 14 cá nhân, hộ gia đình để lấy tiền chi trả cho công tác dồn điền đổi thửa, tiền đối ứng các công trình xây dựng trên địa bàn thôn và chi cho các hoạt động phúc lợi của thôn C.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo Vũ Văn G, Nguyễn Hải L, Nguyễn Đức N, Vũ Văn T và Nguyễn Thị H về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Đối với Kháng nghị số 03/QĐ-VC1-HS ngày 08/12/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đề nghị hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2021/HS-ST ngày 10-11-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật vì bỏ lọt đối tượng Ngô Khắc T8

và kế toán là Ngô Thị Ngọc L8; chưa làm rõ được mục đích số tiền 2.849.416.000 đồng đã đưa về xã và được sử dụng như thế nào; những người liên quan đến việc sử dụng số tiền trên.

Trước khi xét xử phúc thẩm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ban hành Quyết định khởi tố vụ án số 95/CSĐT-VPCQCSĐT ngày 30/3/2022 khởi tố bị can đối với Ngô Khắc T8 về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 3 Điều 281 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, hành vi của Ngô Khắc T8 đã được xem xét trong vụ án được khởi tố. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cơ bản đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B khởi tố vụ án và khởi tố bị can nên không cần thiết phải hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại.

Đối với hành vi của kế toán là bà Ngô Thị Ngọc L8 và một số cán bộ xã X có dấu hiệu đồng phạm với Ngô Khắc T8, Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tiếp tục xem xét hành vi của một số cán bộ xã X để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Trong vụ án này, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo đều xuất phát từ việc Ban quản lý thôn C cần tiền để chi trả cho công trình dồn điền đổi thửa, xây dựng một số công trình phúc lợi của thôn (xây Nhà văn hóa, Trường Mầm Non...) và chi cho các hoạt động của thôn; các bị cáo phạm tội không vì động cơ vụ lợi cá nhân mà vì nhu cầu của nhân dân thôn C.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Vũ Văn G (Vũ Trường G) giữ có vai trò nhất định trong việc Chi bộ ra Nghị quyết trái pháp luật. Tuy nhiên, bản thân bị cáo Vũ Văn G không biết việc đấu thầu đất khu Đồng M1 là hành vi vi phạm pháp luật mà chỉ làm theo sự nhất trí của nhân dân, sự ủng hộ của UBND xã X, không vì động cơ vụ lợi. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu. Quá trình công tác, bị cáo được Nhà nước tặng thưởng “Huân chương chiến sỹ vẻ vang” hạng ba; “Huân chương chiến công” hạng nhất; được Đảng ủy, UBND xã X tặng nhiều giấy khen, một số bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, bị cáo Vũ Văn G được hưởng T8 tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn kháng cáo bổ sung bị cáo đã đề nghị Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng xem xét việc bỏ lọt hành vi phạm tội của ông Ngô Khắc T8 là chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X và đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm để xem xét trách nhiệm của ông Ngô Khắc T8; tại phiên tòa phúc

thẩm, bị cáo xuất trình đơn đề nghị xin miễn hình phạt của đại biểu Quốc hội khu vực tỉnh B, Ủy ban nhân dân xã X và nhân dân thôn C, xã Cẩm Vân, huyện H1, tỉnh B.

Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo Vũ Văn G được hưởng theo quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Hải L giữ vai trò là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Vũ Văn G thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo Nguyễn Hải L khai nhận do trình độ nhận thức hạn chế, không hiểu biết pháp luật đã vượt quá quyền hạn được giao. Trong quá trình điều tra bị cáo đã có thái độ khai báo thành khẩn; ăn năn hối cải; một số bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, bị cáo Nguyễn Hải L được hưởng T8 tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong đơn kháng cáo của bị cáo, bị cáo đề nghị làm rõ việc bỏ lọt tội phạm là ông Ngô Khắc T8 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tài liệu chứng cứ thể hiện: bị cáo có mẹ là bà Đào Thị A được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì; ông nội của bị cáo là ông Nguyễn Trọng T12 được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo đã nộp Biên lai thu tiền số 0000290 ngày 19/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B về việc bị cáo tự nguyện nộp 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo được nhân dân thôn C, Ủy ban nhân dân xã X và đại biểu Quốc hội khu vực tỉnh B có đơn xin miễn giảm hình phạt cho bị cáo.

Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo Nguyễn Hải L được hưởng theo quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Thị H có vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án, bị cáo là người phụ trách mảng văn hóa xã hội, bản thân bị cáo không tham gia phát biểu ý kiến trong các cuộc họp chi bộ, không thu tiền của các bị hại, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; bản thân bị cáo được Ban chấp hành Đảng bộ - UBND xã X, Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em tỉnh B tặng nhiều giấy khen; được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em tặng “Kỷ niệm chương vì sự nghiệp dân số, gia đình và trẻ em”; có bố mẹ là ông Nguyễn Văn Hoàn, bà Nguyễn Thị Miên đều tham gia dân công hỏa tuyến; có anh trai Nguyễn Văn Long là liệt sỹ; một số bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên được hưởng T8 tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51

Bộ luật hình sự. Trong đơn kháng cáo của bị cáo, bị cáo đề nghị làm rõ việc bỏ lọt tội phạm là ông Ngô Khắc T8 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X. Bản thân bị cáo hiện nay tuổi đã cao, sức khỏe yếu, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo được nhân dân thôn C, Ủy ban nhân dân xã X và đại biểu quốc hội khu vực tỉnh B có đơn xin miễn giảm hình phạt cho bị cáo.

Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo Nguyễn Thị H được hưởng theo quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Vũ Văn T tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Vũ Văn G thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo Vũ Văn T còn trẻ tuổi, phát triển từ phong trào đoàn thanh niên, phạm tội không có động cơ, mục đích cá nhân. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, một số bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng T8 tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong nội dung đơn kháng cáo của bị cáo đã đề nghị xem xét trách nhiệm của ông Ngô Khắc T8 là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X trong việc chỉ đạo chia lô, đấu thầu trái thẩm quyền. Trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo được nhân dân thôn C, Ủy ban nhân dân xã X và đại biểu quốc hội có đơn xin miễn giảm hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mẹ bị cáo tuổi đã cao, bị cáo hiện đang nuôi 02 con nhỏ.

Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo Vũ Văn T được hưởng theo quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Đức N chỉ tham gia các cuộc họp Chi bộ, họp dân; không có ý kiến chỉ đạo gì nên giữ vai trò thứ yếu trong vụ án. Sau khi phạm tội bị cáo Nguyễn Đức N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả (nộp 30.000.000 đồng); được Chủ tịch UBND huyện H1 tặng nhiều giấy khen. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đức N cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới, cụ thể: Biên lai thu tiền số 0000211 ngày 28/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh B về việc khắc phục hậu quả số tiền 150.000.000 đồng; biên lai thu tiền số 0000285 ngày 18/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B về việc bị cáo tự nguyện nộp 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; Biên lai thu tiền số 0000289 ngày 19/7/2022 nộp số tiền 26.418.300 đồng để khắc phục hậu quả, thể hiện bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả; bị cáo có mẹ là bà Đào Thị A được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì; Ông nội của bị cáo là ông Nguyễn Trọng T12 được tặng Huân chương hánh chiến hạng nhất. Trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo được Ủy

ban nhân dân xã X, nhân dân thôn C và đại biểu quốc hội tỉnh B có đơn đề nghị giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Đức N.

Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo Nguyễn Đức N được hưởng theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đã lợi dụng chức vụ của mình được giao để phạm tội, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung, cấm bị cáo Vũ Văn G, bị cáo Nguyễn Hải L, bị cáo Nguyễn Thị H, bị cáo Vũ Văn T, bị cáo Nguyễn Đức N đảm nhiệm chức vụ liên quan đến quản lý trong một thời gian nhất định.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại đều có yêu cầu được trả lại số tiền đã nộp cho Ban quản lý thôn C và lãi suất.

Đối với yêu cầu của các bị hại về lãi suất thì thấy: Đây là thiệt hại phát sinh từ hành vi trái pháp luật của các bị cáo; các bị hại cũng có một phần lỗi do đó việc yêu cầu phải trả lãi suất đối với số tiền cho các bị hại đã nộp cho BQL thôn là không có căn cứ để chấp nhận.

Ủy ban nhân dân xã X, huyện H1, tỉnh B đã thu số tiền 2.866.220.000 đồng; do đó cần buộc Ủy ban nhân dân xã X phải nộp lại toàn bộ số tiền trên.

Các bị cáo Vũ Văn G (Vũ Trường G), Nguyễn Hải L, Vũ Văn T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường 2.164.183.000 đồng đã thu của các bị hại. Trong đó, bị cáo Vũ Văn G phải chịu trách nhiệm 30%, bị cáo Nguyễn Hải L phải chịu trách nhiệm 20%, bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm 20%, bị cáo Vũ Văn T phải chịu trách nhiệm 20% và bị cáo Nguyễn Đức N phải chịu trách nhiệm 10% tổng số tiền mà các bị cáo phải trả cho các bị hại.

Các bị cáo có quyền khởi kiện vụ án dân sự đối với Ban quản lý thôn C khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 355, Điều 357, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Văn G (Vũ Trường G), Nguyễn Thị H, Nguyễn Hải L, Vũ Văn T và Nguyễn Đức N; không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2021/HS-ST ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B về phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn G (Vũ Trường G), Nguyễn Thị H, Nguyễn Hải L, Vũ Văn T và Nguyễn Đức N phạm tội "*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*".

+ Đối với bị cáo Vũ Văn G (Vũ Trường G): Áp dụng khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, x, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: Vũ Văn G (Vũ Trường G) 07 (bảy) năm tù; thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Hải L: Áp dụng khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: Nguyễn Hải L 06 (sáu) năm tù; thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Thị H: Áp dụng khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Thị H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù; thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

+ Đối với bị cáo Vũ Văn T: Áp dụng khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: Vũ Văn T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù; thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Đức N: Áp dụng khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Đức N 05 (năm) năm tù về tội "*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*"; thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, 587 Bộ luật Dân sự buộc Ủy ban nhân dân xã X, huyện H1, tỉnh B và các bị cáo Vũ Văn G (Vũ Trường G), Nguyễn Hải L, Vũ Văn T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức N và Ủy ban

nhân dân xã X phải trả lại toàn bộ số tiền 5.030.403.000 đồng đã thu được của các bị hại, cụ thể:

- Ủy ban nhân dân xã X phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 2.866.220.000 đồng Ban quản lý thôn đã nộp cho Ủy ban nhân dân xã; đến nay, UBND xã X đã nộp lại số tiền 16.804.000 đồng; ông Ngô Khắc T8 - Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X đã nộp 400.000.000 đồng; do đó Ủy ban nhân dân xã X còn tiếp tục nộp số tiền là 2.449.416.000 đồng để trả lại cho những người bị hại.

- Các bị cáo Vũ Văn G (Vũ Trường G), Nguyễn Hải L, Vũ Văn T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Đức N phải có trách nhiệm liên đới bồi thường 2.164.183.000 đồng đã thu của các bị hại. Trong đó: Bị cáo Vũ Văn G phải chịu trách nhiệm trả cho các bị hại số tiền là 649.254.900 đồng; bị cáo Nguyễn Hải L, bị cáo Vũ Văn T, bị cáo Nguyễn Thị H mỗi bị cáo phải có trách nhiệm trả cho các bị hại số tiền là 432.836.600 đồng; bị cáo Nguyễn Đức N phải chịu trách nhiệm số tiền 216.418.300 đồng.

Các bị hại được nhận lại số tiền do UBND xã X nộp lại và các bị cáo phải bồi thường cụ thể: Bà Vũ Thị H6 được nhận lại tổng số tiền 1.493.972.000 đồng; Ông Vũ Văn S được nhận lại số tiền là 162.810.000 đồng; Bà Vũ Thị T7 được nhận lại số tiền 450.008.000 đồng; Ông Phạm Văn K2 được nhận lại số tiền 110.163.000 đồng; Ông Nguyễn Văn H7 được nhận lại số tiền 96.090.000 đồng; Ông Vũ Thành L5 được nhận lại số tiền 74.083.000 đồng; Ông Ngô Văn T9 được nhận lại số tiền 942.419.000 đồng; Ông Nguyễn Văn T10 được nhận lại số tiền 282.444.000 đồng; Ông Nguyễn Quý Phương được nhận lại số tiền 279.000.000 đồng; Ông Đào Trường S được nhận lại số tiền 402.139.000 đồng; Ông Vũ Đức C2 được nhận lại số tiền 210.000.000 đồng; Ông Ngô Văn N2 được nhận lại số tiền 219.847.000 đồng; Ông Đào Văn L7 được nhận lại số tiền 286.595.000 đồng; Ông Phạm Xuân B3 được nhận lại số tiền 20.833.000 đồng.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Đức N đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường 216.418.300 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2012/01875 ngày 06/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B nộp 30.000.000 đồng; Biên lai thu tiền số 0000211 ngày 28/12/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh B nộp số tiền 150.000.000 đồng; biên lai thu tiền số 0000285 ngày 18/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B về nộp số tiền 10.000.000 đồng; Biên lai thu tiền số 0000289 ngày 19/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B nộp số tiền 26.418.300 đồng; bị cáo Nguyễn Hải Lan đã nộp số tiền 100.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000290 ngày 19/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B; Ông Nguyễn Khắc Tình đã nộp 300.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2012/01800 ngày 18/12/2020, nộp 100.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số: 0000014 ngày 17/5/2021 đều của Cục thi hành án dân sự tỉnh

B. Ủy ban nhân dân xã X đã nộp 16.804.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2012/01847 ngày 07/7/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B.

2. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Công an tỉnh B;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Lệ

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Trại tạm giam, Công an tỉnh B;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS; HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Lệ